

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64 /2020/HS-PT

Ngày: 25-11-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Minh Phượng; ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 152/2020/TLPT-HS ngày 12/10/2020 đối với các bị cáo A (R), B và C do có kháng cáo của bị cáo A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

A (R) sinh năm 1977, tại An Giang; nơi cư trú: ấp N, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: thợ may; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông U và bà V; có chồng tên N và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: không, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình, đi học hết lớp 7 nghỉ học, làm thợ may cho đến ngày phạm tội. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

- Bị cáo không kháng cáo:

B sinh năm 1977, tại An Giang; nơi cư trú: ấp N, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông L và bà T; không có vợ và không có con; tiền án: không, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình, đi học hết lớp 3 nghỉ học, làm mướn cho đến ngày phạm tội. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

C sinh năm 1974, tại An Giang; nơi cư trú: ấp N, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông P và bà H; có chồng

tên Y và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: không, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình, đi học hết lớp 7 nghỉ học, làm thợ may cho đến ngày phạm tội. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đ, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện E, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bà D, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp N, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang, có mặt.

3. Bà E, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện E, tỉnh An Giang, vắng mặt.

4. Bà G, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp O, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang, vắng mặt.

5. Bà H, sinh năm 1955, vắng mặt;

6. Bà I, sinh năm 1955, vắng mặt;

7. Bà K, sinh năm 1959, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: ấp N, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông L, sinh năm 1960, vắng mặt;

2. Ông M, sinh năm 1988, vắng mặt;

(Trong vụ án, bị cáo A kháng cáo; các bị cáo B, C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 05/01/2020 lực lượng Công an huyện E bắt quả tang A có hành vi đánh bạc dưới hình thức nhận, giao phôi số lô, số đề (theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Kiên Giang), ăn thua bằng tiền cho nhiều người, bằng cách thông qua điện thoại di động tại nhà thuộc ấp N, thị trấn D, huyện E. Tang vật thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S, màu đỏ, IMEI 1: 868125042888673, IMEI 2: 868125042888665 có gắn sim số 0784.587.180 (sim đăng ký zalo A Lữ) và số 0859.141.653 của A. Qua kiểm tra dữ liệu ứng dụng zalo trong điện thoại di động của A ngày 05/01/2020 có nhiều tin nhắn gửi đến zalo của A và từ tài khoản zalo của A gửi cho người khác có A quan đến hoạt động nhận và giao phôi số lô, số đề, cụ thể:

A nhận phôi số đề, số lô của B, ngụ ấp N, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang (nick zalo tên B) với tổng số tiền là 22.220.000đồng, gồm: Số đầu 02 con (lô A) với số tiền là 8.350.000đồng, số lô đặc biệt (lô B) với số tiền là

250.000đồng, số lô 02 con là 830.000đồng nhân với 15 lô, bằng số tiền là 12.450.000đồng và số đá là 39.000đồng nhân với 30, bằng số tiền là 1.170.000đồng. A đã nhắn tin trả lời đồng ý.

A nhận phôi số đề, số lô của C, ngụ ấp N, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang (nick Zalo tên Như C) với tổng số tiền là 12.320.000đồng, gồm: Số đầu 02 con (lô A) với số tiền là 3.750.000đồng, số lô đặc biệt (lô B) với số tiền là 320.000đồng và số lô 02 con là 550.000đồng nhân với 15 lô, bằng số tiền là 8.250.000đồng. Do bị lực lượng công an bắt nên A chưa kịp nhắn tin trả lời cho C.

A nhận phôi số đề, số lô của D, ngụ ấp N, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang (nick zalo tên 9 Tr) với tổng số tiền 3.777.000đồng, gồm: Số đầu 02 con (lô A) với số tiền là 2.167.000đồng, số lô đặc biệt (lô B) với số tiền là 125.000đồng, số lô 02 con là 76.000đồng nhân với 15 lô, bằng số tiền là 1.140.000đồng và số đá là 11.500đồng nhân với 30, bằng số tiền là 345.000đồng. Do bị lực lượng công an bắt, nên A chưa kịp nhắn tin trả lời cho D.

A giao phôi số đề, số lô cho Đ, ngụ ấp P, xã T, huyện E, tỉnh An Giang (nick zalo tên Minh) với tổng số tiền là 20.880.000đồng, gồm: Số đầu 02 con (lô A) với số tiền là 7.580.000đồng, số lô đặc biệt (lô B) với số tiền là 250.000đồng, D chưa nhắn tin trả lời cho A.

A giao phôi số đề, số lô cho nick tài khoản zalo tên anh Hùng (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) với tổng số tiền là 380.000 đồng, gồm: Số đầu 02 con (lô A) với số tiền là 380.000đồng, Hùng đã nhắn tin trả lời cho A.

Tại cơ quan điều tra A, B, C và D thừa nhận có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề ăn thua bằng tiền.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Đ, D, E, G, H, Lê Thị A, I, K, L, M phù hợp với nội dung vụ án.

Tại cơ quan điều tra, A, B và C khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ A quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trang hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E kết luận: A đã có hành vi đánh bạc với B, C và D với tổng số tiền 38.317.000đồng; B đã có hành vi đánh bạc với A với số tiền 22.220.000đồng; C đã có hành vi đánh bạc với A với số tiền 12.320.000đồng. Vì vậy, A, B và C phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

Cáo trạng số 17/CT-VKSCP ngày 02/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố bị cáo A, B và C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo A 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo B và bị cáo C phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo B 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2020).

Xử phạt bị cáo C 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2020).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/8/2020 bị cáo A (R) kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A (R) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Về thủ tục kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo A có nội dung, yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo A phù hợp với lời khai của các bị cáo B, C, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ A quan, tài liệu, vật chứng trong hồ sơ vụ án. Như vậy, bị cáo A đã có hành vi đánh bạc với B, C và D với tổng số tiền 38.317.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là có căn cứ.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo A 01 năm tù. Đây là mức hình phạt tương xứng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo A cung cấp tài liệu chứng minh bị cáo là lao động chính, chồng bị lao màng não, 03 con bị bệnh thiếu máu. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51; đồng thời bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 38.317.000 đồng; từ lúc xét xử sơ thẩm đến nay luôn chấp hành pháp luật, có thái độ ăn năn nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm và ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355,

điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo A, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện E, áp dụng điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo A: xin được hưởng án treo để có điều kiện lao động, chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 18/8/2020. Ngày 24/8/2020, bị cáo A kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ A quan, không A quan đến kháng cáo, những người làm chứng vắng mặt, đều đã có lời khai rõ ràng tại hồ sơ nên căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 16 giờ ngày 05/01/2020, bị cáo A đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức nhận, giao phôi số lô, số đề (theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Kiên Giang), được thua bằng tiền với B, C và D với tổng số tiền 38.317.000đồng. Trong đó, nhận phôi số đề, số lô của B với số tiền 22.220.000đồng; nhận phôi số đề, số lô của C với số tiền 12.320.000đồng; nhận phôi số đề, số lô của D với số tiền 3.777.000đồng. Hành vi của A, B và C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Đối với Đ, D, E, G, H, I, K đã có hành vi đánh bạc nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo A phù hợp với lời khai của các bị cáo B, C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tài liệu và vật chứng trong hồ sơ vụ án. Từ đó cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố các bị cáo A, B, C phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo A:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là các tình tiết thành khẩn khai báo, phạm

tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng thời xem xét việc các bị cáo tự giác nộp lại một phần số tiền dùng vào việc đánh bạc (bị cáo A nộp 38.317.000đồng, bị cáo B nộp 7.220.000đồng, bị cáo C nộp 6.000.000 đồng) để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo A là người giữ vai trò chính, trực tiếp giao, nhận phơi số đề, số lô nên cần xử phạt nghiêm khắc với mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác, và không cho hưởng án treo. Cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Lẽ ra cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A có đơn xin giảm án kèm theo kết quả xét nghiệm, kết quả siêu âm thể hiện chồng bị cáo là N đang bị bệnh thoái hóa đốt sống cổ, trào ngược dạ dày - thực quản, di chứng do lao (tiền sử lao màng não); 03 con là O, Q và P đều bị bệnh Thalassaemia (tan máu bẩm sinh). Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện E như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do sửa bản án hình sự sơ thẩm nên căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo A (R).

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo A (R) phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo A (R) 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (25/11/2020).

Giao người được hưởng án treo A (R) cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của người được hưởng án treo A (R) có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo A (R) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

(đã giải thích quy định về án treo cho bị cáo A (R))

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện E (2);
- Công an huyện E (2);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện E (1);
- Các bị cáo (1);
- Người có QLNVLQ (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Sở Tư pháp (1);
- UBND thị trấn D (1);
- Văn phòng (2);
- Tòa Hình sự (1);
- PV 10 (1);
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang